TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số:26/2020/HNPT Ngày: 66- 11-2020 V/v: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Cẩm Thúy
- *Các Thẩm phán:* Bà: Huỳnh Thị Bích Vân
  Bà: Lê Thị Minh Trang
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Kim Anh
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa*:** Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLPT- HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 217/2020/ HN ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Thới Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 120/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ông Võ Văn Tr, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Ấp Thới Th, thị trấn Th, huyện Th, thành phố Cần Thơ.

-*Bị đơn***:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Ấp Thới Th, thị trấn Th, huyện Th, thành phố Cần Thơ.

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Ảnh, sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp Thới Th, thị trấn Th, huyện Th, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Võ Văn Tr trình bày và yêu cầu:

Ông và bà Nguyễn Thị Huỳnh N tự tìm hiểu yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định. Nhưng trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẩn và đã ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà N chơi đánh bài, uống rượu. Hiện nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

Ông và bà N có một con chung là cháu Võ Vĩ Kh (nam) sinh ngày 02/8/2011; khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi con không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình chung sống ông và bà N không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Bà thống nhất lời lời trình bày của ông Tr về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và thời điểm ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bà có chơi đánh bài nhưng chơi cùng với gia đình chồng, sau đó mẹ chồng có rầy la không cho chơi nữa. Vài ngày sau do có tiệc khai trương nên bà và một số người có uống rượu, lúc đó bị mẹ chồng la rầy nên có xảy ra cự cải với mẹ chồng và chị chồng nên bà bị mẹ chồng cùng chị chồng đánh đuổi đi, từ đó dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân. Nay ông Tr yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn với ông Tr.

Bà và ông Tr có một con chung là cháu Võ Vĩ Kh (nam) sinh ngày 02/8/2011; khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con, yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung bà có đơn phản tố yêu cầu được chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

O2 lượng vàng 24k, bà yêu cầu chia đôi mỗi người 01lượng.

Trong quá trình chung sống ông bà được mẹ chồng cho mượn một nền đất ngang 4m dài 11m để cho thuê lấy tiền sử dụng, hợp đồng cho thuê do mẹ chồng đứng tên nhưng vợ chồng bà lấy tiền thuê hàng năm, giá cho thuê mỗi năm là 10.000.000đ. Thời gian cho thuê là ngày 09/10/2019, năm đầu đã nhận tiền và vợ chồng đã chi xài hết; nay bà yêu cầu ông Tr phải chia cho bà ½ số tiền cho thuê đất của 18 tháng là 7.500.000đ.

Khi ly hôn bà yêu cầu ông Tr trả tiền công sức đóng góp khi bà về làm dâu nhà chồng từ năm 2009 đến khi ly hôn, tương đương số tiền là 279.020.000đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A trình bày: bà là mẹ của ông Tr, khi ông Tr và bà N còn chung sống có xin bà phần tiền cho thuê nền đất để chi xài, tiền thuê đất năm đầu bà có cho vợ chồng ông Tr

10.000.000đ. Bà xác định là đất của bà, hợp đồng cho thuê do bà ký, việc có cho thuê đất nữa hay không là do bà và người thuê đất tự thỏa thuận, không liên quan đến vợ chồng ông Tr, nên bà không đồng ý việc bà N yêu cầu chia đôi tiền cho thuê đất.

Tại bản số 217/2020HNGD-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Thới Lai đã xét xử và Quyết định như sau:

Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Võ Văn Tr và bà Nguyễn Thị Huỳnh N.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Huỳnh N về yêu cầu nuôi con chung.

Giao cháu Võ Vĩ Kh (nam) sinh ngày 02/8/2011 cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N nuôi dưỡng đến trưởng thành. Ông Võ Văn Tr cấp dưỡng nuôi con chung (là cháu Võ Vĩ Kh) mỗi tháng 1.500.000đ đến khi cháu Kh tròn 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Võ Văn Tr không ai được cản trở ông Tr thực hiện quyền.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi trực tiếp người nuôi con.

Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Huỳnh N về yêu cầu chia tài sản chung.

Buộc ông Võ Văn Tr có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N 2,5 chỉ vàng 24k loại vàng 98% và số tiền 3.000.000đ.

Về nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: ông Võ Văn Tr phải nộp 300.000đ, chuyển tiền tạm ứng án phí ông Tr đã nộp theo biên lai thu số 015607 ngày 21/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành phố Cần Thơ thành án phí.

Ông Võ Văn Tr phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng và 851.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 015781 ngày 27/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành phố Cần Thơ, do thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Bà Nguyễn Thị Huỳnh N phải nộp 14.326.000đ án phí dân sự sơ thẩm (trừ vào 8.359.000đ tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 015652 ngày 02/6/2020, bà N còn phải nộp thêm 5.967.000đ cho đủ số tiền án phí phải nộp).

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền – thời hạn kháng cáo và Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 nguyên đơn ông Võ Văn Tr có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý giao con cho bị đơn nuôi dưỡng, vì bị đơn không có điều kiện. Ông có đủ điều kiện để nuôi con hơn phía bị đơn.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 nguyên đơn ông Võ Văn Tr có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: không đồng ý giao con cho bị đơn vì bị đơn ở nhà trọ, cha mẹ vợ già yếu và mẹ vợ bị bệnh sợ ảnh hưởng đến con. Án sơ thẩm buộc mức cấp dưỡng là cao, ông yêu cầu được cấp dưỡng theo mức ½ tháng lương cơ bản. Ông không đồng ý giao cho bị đơn 2,5 chỉ vàng 24k và 3.000.000đ vì số tài sản này vợ chồng đã tiêu xài hết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Võ Văn Tr và bà Nguyễn Thị Huỳnh N tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ và điều chỉnh khi có yêu cầu. Sau thời gian chung sống ông bà không đạt được hạnh phúc như mong muốn và không thể hàn gắn tình cảm khi mâu thuẫn xảy ra dẫn đến việc vợ chồng đã sống ly thân nhau. Trong quá trình giải quyết cả hai người đều không có thiện chí đoàn tụ để chung sống với nhau mà cả hai đều có nguyện vọng được chấm dứt quan hệ hôn nhân; nhưng lại không thỏa thuận được với nhau về phần con chung và tài sản chung. Do vậy cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ và đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi án sơ thẩm xử xong bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh N không có đơn kháng cáo, nguyên đơn ông Võ Văn Tr không đồng ý với bản án sơ thẩm và có đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Tr không cung cấp thêm chứng cứ gì mới và hai đương sự đề nghị được thỏa thuận với nhau về người trực tiếp nuôi con và tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn.

[3]Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định, nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Sau khi án sơ thẩm xử xong ông Tr có đơn kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ông Tr và bà N đã thỏa thuận với nhau về người trực tiếp nuôi con chung, bà N cho rằng do điều kiện hiện nay của bà không thể chăm sóc con tốt được, cháu Vĩ Kh đang ở với cha và ông bà nội rất tốt, nên bà đồng ý giao quyền nuôi con cho ông Tr và ông Tr không yêu cầu bà cấp dưỡng nuôi con và sẽ tạo mọi điều kiện thuận lợi cho bà thăm con. Về phần tài sản chung thì bà N tự nguyện nhận 2,5 chỉ vàng 24K do ông Tr giao cho bà, bà không nhận 3.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên. Xét thấy, đó là sự tự nguyện và tự thỏa thuận của các đương sự, sự tự định đoạt này không trái quy định pháp luật và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Xét về phần án phí: Cấp sơ thẩm buộc bà N phải chịu 14.326.000 đồng là không đúng quy định, mặc dù không ai kháng cáo phần này nhưng do cấp sơ thẩm sai sót khi cho rằng bà N yêu cầu công sức đóng góp khi làm dâu không được chấp nhận yêu cầu nên phải chịu án phí, việc tính án phí của cấp sơ thẩm là chưa phù hợp nên cấp phúc thẩm cần điều chỉnh lại phần án phí.

Viện kiểm sát đề nghị: Sửa án sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và sửa án về phần án phí.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Tr và bà N có 01 con chung là cháu Võ Vĩ Kh (nam) sinh ngày 02.8.2011, khi cấp sơ thẩm xét xử giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Tr kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Tr bà N khai thống nhất nhau là từ khi án sơ thẩm xử đến nay cháu Vĩ Kh do ông Tr nuôi dưỡng, do bà N không có điều kiện về mặt thời gian để đưa đón cháu Kh đi học nên đã để cháu Kh về sống với cha và ông bà nội. Bà N xác định là cháu Kh đang được cha và ông bà nội chăm sóc rất tốt, khi bà đến thăm con không gặp bất kỳ sự trở ngại nào. Do vậy bà đồng ý giao quyền trực tiếp nuôi con lại cho ông Tr; phía ông Tr đồng ý thỏa thuận của bà N và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con, vì ông biết hoàn cảnh hiện tại của bà N có khó khăn về kinh tế hơn so với ông nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, đây là sự thỏa thuận và tự định đoạt của các đương sự, và sự tự định đoạt này nhằm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu Vĩ Kh, thực tế cháu Vĩ Kh đang ở với cha và ông bà nội, bà N thừa nhận là nếu bà trực tiếp nuôi con thì sẽ không tốt bằng ông Tr, vì bà không có điều kiện về thời gian để chăm sóc tốt cho con bằng ông Tr và gia đình bên nội cháu. Do vậy nhằm để đảm bảo tốt về mọi mặt

cho con và sự phát triển toàn diện của con chưa thành niên khi cha mẹ khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của ông Tr và bà N về người trực tiếp nuôi cháu Vĩ Kh.

Xét về phần tài sản chung: Án sơ thẩm giải quyết buộc ông Tr có nghĩa vụ giao lại cho bà N 2,5 chỉ vàng 24K loại 98% và số tiền 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà N trình bày là ông Tr trực tiếp nuôi cháu Vĩ Kh, không yêu cầu bà cấp dưỡng nuôi con, nên bà tự nguyện không nhận số tiền 3.000.000 đồng, bà chỉ nhận số vàng 2,5 chỉ vàng do ông Tr giao lại cho bà. Phía ông Tr thống nhất theo đề nghị của bà N. Xét thấy đây là sự tự thỏa thuận của đương sự và sự tự thỏa thuận này không trái với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận.

Đối với phần án phí án sơ thẩm buộc bà N phải chịu số tiền là 14.326.000 đồng, do bà N không được chấp nhận yêu cầu đòi chia công sức đóng góp khi bà về làm dâu với tổng số tiền là 279.000.000 đồng. Xét thấy do bà N không hiểu biết pháp luật, nên bà nêu ra yêu cầu đòi ông Tr trả tiền công sức làm dâu, nhưng thực chất yêu cầu của bà N là đòi chia tài sản chung và công sức đóng góp, án sơ thẩm buộc bà chịu mức án phí nêu trên là chưa đúng theo khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy, mặc dù không ai kháng cáo và không có kháng nghị về phần này nhưng để đảm bảo quyền lợi cho đương sự nên cấp phúc thẩm xem xét và sửa lại phần án phí.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 300; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án: Sửa án sơ thẩm.

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Võ Văn Tr và bà Nguyễn Thị Huỳnh N.

Về con chung: Giao cháu Võ Vĩ Kh (nam) sinh ngày 02/8/2011 cho Võ Văn Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N không ai được cản trở bà N thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi trực tiếp người nuôi con.

Về tài sản chung:

Ông Võ Văn Tr có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N 2,5 chỉ vàng 24k loại vàng 98%.

Về nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

2.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: ông Võ Văn Tr phải nộp 300.000đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí ông Tr đã nộp theo biên lai thu số 015607 ngày 21/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành phố Cần Thơ, thành án phí.

Ông Võ Văn Tr phải nộp 700.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Huỳnh N 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 015781 ngày 27/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành phố Cần Thơ, do thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Bà Nguyễn Thị Huỳnh N phải nộp 700.000đ án phí dân sự sơ thẩm(khấu trừ vào 8.359.000đ tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 015652 ngày 02/6/2020, bà N được nhận lại số tiền 7.659.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai, theo biên lai thu nêu trên).

3.Về án phí phúc thẩm: ông Tr không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được nhận lại 300.000đ tiền nộp tạm ứng kháng cáo theo biên lai thu số 015826 ngày 21/8/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ đã thu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND H. Thới Lai;
- Chi cục THA.DS H. Thới Lai;
- VKSND. TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Bùi Thị Cẩm Thúy